

NGHIỆP LÀ GÌ ?

Trịnh Nguyên Phước

Nghiệp là một khái niệm phổ biến và vô cùng quan trọng trong đạo Phật. Chúng ta ai là người không biết đến những câu thơ cuối trong truyện *Kiều* của *Nguyễn Du*:

" Đã mang lấy *nghiệp* vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài "

Như vậy, ai cũng nói về *nghiệp*, ai cũng đổ lỗi cho *nghiệp* những gì xảy ra trên đời, cho người và cho mình. Nhưng rốt cục liệu chúng ta có hiểu rõ ý nghĩa của *nghiệp* hay không? Chính đức Phật Thích Ca đã nói những gì về *nghiệp*? Ngài đã giảng *nghiệp* ra sao, đã đặt *nghiệp* vào vị trí nào trong giáo lý của ngài? Và trên thực tế, làm thế nào để áp dụng sự hiểu biết về *nghiệp*?

Chúng ta sẽ cố gắng trả lời những câu hỏi đó, về một vấn đề có lẽ phức tạp hơn là tưởng tượng lúc ban đầu.

Khái niệm *nghiệp* có trước đạo Phật

Đầu tiên, chúng ta phải nhấn mạnh rằng khái niệm *nghiệp* đã bám rễ sâu vào tâm hồn Ấn Độ từ lâu trước khi đạo Phật xuất hiện, như đã được ghi trong các Kinh Vệ Đà (*Veda*) và Áo Nghĩa Thư (*Upanishad*), vào khoảng 1600-500 trước CN.

Các khái niệm quen thuộc như *luân hồi - tái sinh (samsara)*, *giải thoát (moksa)*, ảo giới (*maya*), pháp (*dhamma*) và vô minh (*avijja*) đều đã có mặt trong những từ ngữ triết học và tôn giáo thời bấy giờ.

Những nhà nghiên cứu Phật học và Ấn Độ học đều công nhận rằng *luân hồi - tái sinh* và *nghiệp* (là những khái niệm gắn liền với nhau) không phải là đặc thù của đạo Phật, mà là những khái niệm chung của hầu hết các tôn giáo tại Ấn Độ (*Bà La Môn* giáo [ngày xưa], *Ấn Độ* giáo [ngày nay], *Thị Na* giáo, đạo Phật, đạo *Sikh*) và làm nền tảng lý thuyết cho chúng.

Đức Phật Thích Ca chỉ tiếp nhận chúng vào giáo lý của ngài, đồng thời đem lại một số đổi thay, đặc biệt về khái niệm *nghiệp*.

Karma bắt nguồn từ chữ *kr*, có nghĩa là " làm, hành động ". Từ tiếng Phạn là *karma*, trong khi tiếng Pali là *kamma*, tiếng Trung Hoa là 業 *yè*, Hán-Việt là *nghiệp*.

Trong Kinh *Vệ Đà*, là những tài liệu tôn giáo và văn chương cổ xưa nhất của Ấn Độ, *nghiệp* chủ yếu là hành động tế thần, do cái gọi là *rita* (trật tự vũ trụ) dẫn đến lợi ích ban cho bởi thần linh. Trong *Áo Nghĩa Thư* (xuất hiện muộn hơn), *nghiệp* là hành động cá nhân mang ý nghĩa siêu việt (transcendental) hơn. Chính *nghiệp* sẽ quyết định địa vị của mỗi người trong những kiếp sống sau. " Hành động như thế nào thì cuộc sống sau sẽ như vậy ".

Đối với *Thị Na* giáo (đạo *Jain*), là một giáo lý không chính thống (hétérodoxe), không công nhận Kinh *Vệ Đà* như *Bà La Môn* giáo, *nghiệp* đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Đó là một loại thể chất tinh tế, tạo nên bởi các hành động đam mê, bám chặt vào linh hồn cá nhân và chồng chất lên dần dần. Từ kiếp sống này qua kiếp sống khác, *nghiệp* tự nó gây nên vui thú cũng như khổ đau. Để giải phóng linh hồn ra khỏi thể xác, thoát lên tới đỉnh cao của vũ trụ, nơi nó sẽ tồn tại vĩnh viễn, người đệ tử *Thị Na* phải làm tiêu tan dần hết *nghiệp* của mình, bằng cách sống khổ hạnh và tuân thủ chặt chẽ những giới cấm, trong đó có không giết hại (*ahimsa*) bất cứ hình thức nào của sự sống.

Như vậy khái niệm *nghiệp* đã rất phổ biến vào thời đó, và đã được giữ lại bởi đức Phật, khi ngài khẳng định: " Các chúng sinh là chủ nhân của *nghiệp* mình, là kẻ kế thừa *nghiệp* của mình; *nghiệp* là tử cung nơi mình sinh ra, là bạn của mình, là nơi trú ẩn của mình. Dù tạo *nghiệp* tốt hay xấu, người ta cũng sẽ kế thừa nó " (*Trung Bộ Kinh, Majjhima-nikaya 135*).

Tuy nhiên, đức Phật đã diễn giải lại *nghiệp*, bằng cách mang lại một số thay đổi đáng kể, đến nỗi người ta có thể nói về một số đặc tính của *nghiệp* trong đạo Phật.

Ba đặc tính của *nghiệp* trong đạo Phật

Nghiệp như vậy có nghĩa là hành động, nhưng theo tinh thần đạo Phật, đó không phải là bất cứ hành động nào :

1- Thứ nhất, đó là một hành động cố ý, tức là phải có một ý chí hành động, một chủ ý. Điểm quan trọng này đã được nhấn mạnh chính bởi đức Phật: " Này các tỳ kheo! Chính *tác ý* (*cetana*) là cái mà ta gọi là *nghiệp* (*cetanaham bhikkhave kammam vadami*). Bởi vì qua *tác ý*, người ta hành động bằng thân, khẩu, ý... " (*Tăng Chi Bộ Kinh, Anguttara-nikaya VI*).

Tác ý (cetana, volition) thuộc vào nhóm *hành (samkhara, formations mentales)*, một trong 5 *thủ uẩn (upadana khanda)* tạm thời hợp lại thành một cá nhân và luôn luôn thay đổi. Nhóm này gồm 52 *hành*, trong đó có cả ý chí, chú ý, tập trung, nghị lực, ham muốn, tin tưởng, sân hận, kiêu mạn, si mê, v.v. *Tác ý* có chức năng điều khiển tâm thức (*citta, mental*) trong những hành động tốt, xấu hoặc vô ký, và như vậy đồng nghĩa với *nghiệp*, với ý chí sống, sự tiếp tục hiện hữu, trở thành.

Như vậy, một hành động vô tình, vô ý không phải là *nghiệp*. Đó là sự khác biệt căn bản đối với Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo và Thị Na giáo. Đối với một người theo Ấn Độ giáo hay theo Thị Na giáo, một hành động dù vô tình cũng tạo nghiệp. Nếu người ấy vô ý đạp chết một động vật, người ấy đã tạo nên một nghiệp xấu. Nhưng đối với một người Phật tử, thì hành động ấy không tạo nghiệp, bởi vì không có ý định giết hại. Tất cả đều do tâm mà ra, cũng như câu đầu của Kinh Pháp Cú (*Dhammapada*): " Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác (*mano pubbangama dhamma manosettha manomaya*) ".

2- Thứ nhì, trái lại với một quan niệm thông thường trong quần chúng, *nghiệp không phải là kết quả* của hành động tạo *nghiệp*. Không nên hiểu *nghiệp* theo nghĩa tiêu cực, như hậu quả của một hành động mà người ta phải chịu đựng. Tại các nước theo Đại thừa, do ảnh hưởng của các từ gốc Hán như *nghiệp quả, quả báo, nghiệp chướng*, cho nên người ta hay lẫn lộn *nghiệp* với *quả*. Chẳng hạn như người ta thường nói: " Đó là *nghiệp* của tôi. Tôi đang phải trả nợ những lỗi lầm trong đời trước của tôi ". Điều này hoàn toàn sai lầm, bởi vì *nghiệp* chính là hành động chứ không phải là kết quả của nó, hơn nữa trong tinh thần đạo Phật, kết quả của một hành động không bao giờ là sự thưởng phạt bởi một quyền lực nào: Thượng Đế, thần linh hay sức mạnh siêu nhiên, ảnh hưởng từ bên ngoài.

Theo Tỳ kheo *Nyanatiloka*, " Tin rằng theo đạo Phật tất cả là kết quả của các hành động đã qua là một điều hoàn toàn sai lầm... *Nghiệp* trong đạo Phật không hề có nghĩa là kết quả của hành động, và chắc chắn cũng không phải là số mệnh của con người, hay của cả một dân tộc... ".

3- Thứ ba, đó là một hành động tốt (hay lành), *kusala*, hoặc ngược lại xấu (hay ác), *akusala*. " Tốt " hay " xấu " không dựa lên tiêu chuẩn đạo đức hay pháp luật, nhưng tâm lý, về sự khổ đau (*dukkha*) có thể gây nên. Một hành động " tốt " (*kusala*) là một hành động giải thoát khỏi khổ đau, một hành động " xấu " (*akusala*) là một hành động gây nên khổ đau.

(*akusala*) là một hành động dẫn tới khổ đau. Trái lại, một hành động không tốt không xấu, gọi là vô ký, không phải là *nghiệp*, không tạo *nghiệp*.

Như vậy, chúng ta không nên quên ba đặc tính chính yếu đó của *nghiệp* theo đạo Phật: hành động do tác ý, đưa tới kết quả " tốt " hay " xấu ", và không phải là kết quả của hành động.

Có thể nói rằng *nghiệp* theo đạo Phật bao gồm khía cạnh tâm lý và đạo đức, trong khi *nghiệp* theo Bà La Môn - Ấn Độ giáo có tính chất nghi lễ và siêu hình.

Cơ chế của *nghiệp* : luật nhân quả

Nghiệp được điều hành bởi qui luật phổ quát " nhân quả ", hay luật " từ nguyên nhân tới kết quả ". Theo luật này, mỗi nguyên nhân đưa tới một kết quả đặc biệt. Trong đạo Phật nguồn gốc, người ta biểu tượng nó bằng hình ảnh của một trái cây " chín mùi trong kiếp sống này, trong kiếp sống sau, hay trong những kiếp sống sau nữa ".

Trong đạo Phật Đại thừa, người ta thường dùng hình ảnh của " nhân (hạt giống) " và " quả (trái cây) " để minh họa, bởi vì cùng một từ Trung Hoa có cả hai ý nghĩa " hạt giống " và " nguyên nhân ", " trái cây " và " kết quả ".

Như vậy, một hạt cam mọc lên thành một cây cam, trở bông kết trái thành hạt cam, và cứ tiếp nối như vậy. Nó không thể nào đưa tới một cây xoài, chỉ có thể mọc lên từ một hạt xoài. Đứng về mặt khoa học, ngày hôm nay, người ta sẽ nói rằng đó là sự truyền gien bởi ADN đặc thù cho mỗi loài sinh vật. Luật " nhân quả " cũng có mặt trong thế giới khoáng chất và mọi hiện tượng vật lý, cho đến mức độ phân tử.

Chúng ta nên lưu ý rằng biểu tượng này không có trong đạo Phật nguồn gốc tại Ấn Độ: người ta dùng từ *hetu* (= rễ) để chỉ định nguyên do, nguồn gốc, trong khi từ *phala* (= quả) chỉ thường dùng để chỉ định trạng thái tâm thức đạt được do thiền quán *vipassana*. *Hetu* đồng nghĩa với *mula*, là rễ, là căn nguyên. Chính 3 cái *mula*, (Hán-Việt gọi là " tam độc "), là 3 cái rễ gây nên khổ đau: *tham* (*lobha*), *sân* (*dosa*) và *si* (*moha*). Phải bứng hết 3 cái rễ đó thì mới giải thoát được khỏi khổ đau. Ngược lại, trong mỗi người cũng có những rễ tốt, gọi là *kusalamula*, tức là *thiện căn*, cũng như trong câu " Thiện căn ở tại lòng ta " của truyện *Kiều*.

Kết quả của *ngiệp* được gọi là *vipaka*. Nhưng từ này chỉ dùng cho những hiện tượng tâm lý vô ký (như cảm giác của cơ thể, hay tri giác bởi giác quan, v.v.), phát xuất từ một hành động cố ý " tốt " hay " xấu ". *Ngiệp* có thể không gây nên kết quả (gọi là *ahosi-kamma*), khi thiếu những điều kiện gây nên nó, hoặc khi quá yếu trước một *ngiệp* có tác động ngược lại.

Một sự khác biệt nữa là trong Đại thừa, bên cạnh cái *ngiệp* cá nhân (*biệt nghiệp*), còn có thể có cái *ngiệp chung* của một đoàn thể (*cộng nghiệp*), là một điều hoàn toàn xa lạ đối với đạo Phật nguồn gốc. Trong đạo Phật nguồn gốc và đạo Phật Nguyên thủy, *ngiệp* có tính chất hoàn toàn cá nhân, bởi vì mỗi người phải hứng chịu kết quả của *ngiệp* của chính mình, chứ không phải là của người khác.

Điều kiện hay " lý duyên khởi "

Thật ra, đức Phật đã tiếp nhận khái niệm *ngiệp* vào giáo lý của ngài, nhưng đã thay đổi một phần nào cơ chế của nó, bằng cách thay thế *luật nhân quả* bằng *lý duyên khởi*.

Lý duyên khởi (*paticca-samuppada*) và *vô ngã* (*anatta*) là hai nguyên lý đứng vào vị trí trung tâm của giáo lý đạo Phật, cốt yếu đến nỗi chính đức Phật cũng đã tuyên bố: " Ai thấy được *duyên khởi* thì thấy được Chánh Pháp. Ai thấy được Chánh Pháp thì thấy được *duyên khởi*. " (*Trung Bộ Kinh, Majjhima-nikaya* 28).

Duyên (*paccaya*) là điều làm cho một sự vật (hay hiện tượng) chịu điều kiện (*samuppanna*, conditionné, còn gọi là *hữu vi*) phụ thuộc vào một sự vật gây điều kiện (*samuppada*, conditionnant), và không thể nào hiện hữu được nếu không có sự vật gây điều kiện đó. Trong đạo Phật Đại thừa, *duyên* được xem như là điều kiện phụ giúp cho *nhân* trở thành *quả* (chẳng hạn như nhờ đất, nước, ánh nắng mặt trời, v.v., cho nên *hạt* mới mọc thành cây và ra *quả*). Tuy nhiên, quan niệm *duyên* như vậy đã là tách rời xa so với giáo lý của đạo Phật nguồn gốc.

Đối với đức Phật, chính *lý duyên khởi* là nguồn gốc của mọi hiện tượng vật lý và tâm lý, bởi vì tất cả đều tương đối, tương quan tương duyên, liên kết với nhau qua những sợi dây nhân duyên. Nguyên lý nhân duyên, tương đối, tương quan giữa các sự vật đó có thể tóm tắt trong một câu giản dị:

" Khi cái này có, thì cái kia có. Cái này xuất hiện, thì cái kia xuất hiện. Khi cái này không có, thì cái kia không có. Cái này ngừng, thì cái kia

ngừng. "(Trung Bộ Kinh, *Majjhima-nikaya III*; Tương Ứng Bộ Kinh, *Samyutta-nikaya II*).

Sự hiện hữu, và cả cuộc sống, có thể giải thích được một cách cặn kẽ bởi vòng *nhân duyên* (*paticca-samuppada*), gồm 12 yếu tố, mỗi yếu tố vừa chịu điều kiện, vừa gây điều kiện, và tạo thành một vòng tròn đi từ vô minh (*avijja*) tới già và chết (*jara-marana*).

Nghiệp, giữa nhân quả và duyên khởi

Nhìn dưới khía cạnh đó, *nghiệp* có phần hơi khác biệt: thay vì là sự biến hóa từ một thực thể " nhân - hạt " này tới một thực thể " quả - trái " khác, thì thật ra đó chỉ là sự thay đổi từ một hình thái này sang một hình thái khác, dưới sự ảnh hưởng của những yếu tố trợ duyên.

" Nguyên nhân " và " kết quả ", cũng như hạt cây và trái cây, quả trứng và con gà, thật ra cùng là một thực thể, vào những giai đoạn phát triển khác nhau, chứ không phải là hai thực thể, cái này sanh ra cái kia.

Nhìn thoáng qua, luật " nhân quả " và *nghiệp* rất cần thiết để giải thích *luân hồi*, và để làm nền tảng cho giáo lý căn bản của đạo Phật, tức là 4 *Diệu Đế* (*cattari ariya-saccani*). Khổ (*dukkha*) là kết quả của sự xuất hiện (*samudaya*) nguyên nhân gây khổ, và sự diệt khổ (*nirodha*) là kết quả của con đường dẫn tới diệt khổ, là con đường chánh 8 nẻo (*atthangika-magga*).

Nếu không có *nghiệp*, thì người ta không thể hiểu rõ được và cũng không thể đi theo được con đường vạch ra bởi đức Phật. " Tu là chuyển *nghiệp* " là tựa đề của một cuốn sách của HT Thích Thanh Từ. Mục đích của tu tập (*bhavana*) không phải là để đi tìm một cái gì xa vời, ở chân trời góc biển nào đó, mà là để chuyển đổi cái *nghiệp* của mình từ xấu thành tốt, tức là chuyển hóa *tâm*, và đặc biệt những *tác ý* của mình.

Trong Phật giáo Đại thừa, người ta thường nghe nói câu: " Bồ Tát sợ *nhân*, chúng sanh sợ *quả* ". Câu này có ý nghĩa rằng đa số mọi người chỉ sợ những chuyện xấu xảy ra cho mình (tức là *quả*), cho nên cầu Trời khẩn Phật để không bị ốm đau, tai nạn, xui xẻo, mà lại không tìm cách tránh gây nên những *nghiệp* xấu (tức là *nhân*). Ngược lại Bồ Tát, là người đã giác ngộ rồi, nhìn thấy rõ rằng lý do của *quả* xấu chính là *nghiệp* xấu của mình, cho nên sợ *nhân* chứ không sợ *quả* và tìm cách tránh gây nên những *nghiệp* xấu. Như vậy, việc đầu tiên của người tu Phật là phải ý thức được tầm quan trọng của *nghiệp*, tức là cái *nhân* dẫn tới một cách tự nhiên cái *quả*.

Tuy nhiên, nếu chúng ta căn cứ vào lời dạy chính yếu của đức Phật, lý *duyên khởi* và lý *vô ngã*, thì phải chấp nhận một số thay đổi so với quan niệm cổ xưa về *nghiệp*.

Nguyên nhân, nguồn gốc của *khổ* nằm ở trong chính nó, chứ không hề ở ngoài nó. Trong Kinh pali cổ xưa có nói: "Tất cả những gì có tính chất xuất hiện, cũng có tính chất chấm dứt". Cho nên đức Phật dạy: "Ai nhìn thấy *khổ*, cũng nhìn thấy lý do xuất hiện của *khổ*. Và cũng thấy sự diệt *khổ* và con đường dẫn tới đó".

Nếu được phép so sánh, tôi sẽ cho rằng lý *duyên khởi* bao gồm luật *nhân quả*, không khác gì trong vật lý học những luật tương tác giữa các phân tử bao gồm luật vạn vật hấp dẫn. Thật vậy, trong khi luật *nhân quả* và luật hấp dẫn có vẻ tuyến tính (đi theo đường thẳng), với hai biến số (nhân-quả, khối lượng-khoảng cách), thì lý *duyên khởi* và luật tương tác giữa các phân tử có vẻ đa chiều, đa biến số, và như vậy giải thích được rõ hơn sự phức tạp của thế giới.

Nghiệp, giữa sự thật tương đối và sự thật tuyệt đối

Và vì không có cái ta như một thực thể, cho nên trong *Thanh Tịnh đạo luận* (*Visuddhi-Magga*) của ngài *Phật Âm* (*Buddhaghosa*) có câu:

(XVI). " Có khổ đau, nhưng không có người khổ
Có hành động, nhưng không người hành động
Có diệt khổ, nhưng không ai chứng diệt
Có con đường, nhưng không có người đi. "

(XIX). " Không có người tạo nghiệp,
Không có người hái quả.
Chỉ có hiện tượng trôi chảy,
Không thể nhìn đúng hơn.

Và trong khi nghiệp và quả
Quay vòng theo nhân duyên,
Như hạt và cây tiếp nối nhau,
Không có gì là khởi thủy. "

Như vậy, trong nghĩa tối hậu, 4 *Diệu Đế* được xem như là trống *không*, không có thực thể, bởi vì không có người khổ đau, không có người tự gây nên khổ, không có người chứng sự diệt khổ, không có người trên con đường diệt khổ.

Đó là cách giải thích của ngài *Long Thụ (Nagarjuna)*, một nhà đại hiền triết Ấn Độ, dẫn đầu trường phái *Trung Quán (Madhyamaka)*, bằng cách phân biệt hai sự thật giảng dạy bởi đức Phật: sự thật đời thường, tương đối, theo qui ước, *samvriti-satya (tục đế)*, và sự thật sâu xa, tuyệt đối, tối hậu, *paramartha-satya (chân đế)*.

Theo Tỳ kheo *Nyanatiloka*, " Sự hiểu biết thực sự và đúng đắn theo nghĩa tối hậu, của chữ *nghiệp* theo đạo Phật, chỉ có thể cảm nhận được bởi những người hiểu sâu xa giáo lý *vô ngã* và *lý duyên khởi* của mọi hiện tượng ".

Trên thực tế, hiểu biết về *nghiệp* mang lại gì cho ta?

Tất cả chỉ là lý thuyết, bạn sẽ nói, nhưng làm thế nào để áp dụng sự hiểu biết về *nghiệp*?

Trong đời sống thường nhật, giữa xã hội loài người, sự vận hành thế giới vẫn là do cái *nghiệp* theo qui ước, do cái *ta* theo qui ước tác động và đón nhận kết quả của hành động. Đức Phật luôn luôn nhắc nhở cho chúng ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các tư tưởng, lời nói, và hành động của mình. Như ngài đã dạy trong Kinh *Pháp Cú, Dhammapada (1-2)*:

" Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não tới liền sau,
Như xe theo chân bò.

Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình. "

Tự kiểm soát *nghiệp* trong mỗi giây phút là công việc chính yếu của mỗi người tu theo đạo Phật. Ít lâu trước khi nhập *Bát Niết Bàn (Parinibbana)*, tức là sự tịch diệt hoàn toàn, đức Phật còn khuyến khích các đệ tử của ngài:

" Hỡi các tỳ kheo !
Hãy chánh niệm, tỉnh giác,
Trì giới, định tâm, nhiếp ý.
Ai tinh tấn trong Pháp và Luật này,
Sẽ lìa vòng sanh tử, chấm dứt khổ đau. " (*Kinh Đại Bát Niết Bàn, Mahaparinibbana Sutta*)

Nghệp chỉ tùy thuộc vào ta, nó chính là sự thể hiện của tinh thần trách nhiệm và sự tự do của chúng ta.

Trịnh Nguyên Phước

Olivet, 01/2014